

Bản án số: 379/2020/HC-PT  
Ngày 13 tháng 8 năm 2020  
“V/v: *kiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất  
đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính đã thụ lý số 300/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 1912/2019/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 964/2020/QĐXX-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1935

Thường trú: đường TCH34, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1934 (chết năm 2012).

*Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn A:*

3.2.1. Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1958.

3.2.2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1960.

3.2.3. Ông Nguyễn Trung Ng, sinh năm 1962.

3.2.4. Ông Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1964.

3.2.5. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966.

3.2.6. Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1968.

Cùng trú tại: đường TCH34, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.7. Ông Nguyễn Trung Ch1, sinh năm 1970 - chết năm 2006.

3.2.8. Bà Trần Thị Ngọc Th1, sinh năm 1972.

3.2.9. Bà Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 1993.

3.2.10. Bà Nguyễn Thị Quế Tr1, sinh năm 1995.

Cùng trú tại: đường H, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.11. Ông Nguyễn Trung Ch2, sinh năm 1972.

3.2.12. Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: đường TCH34, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của ông T, bà Ch, bà Ph, ông Ng, ông Tr, bà Kim C, bà Kim Ch, bà Th1, bà Quế Tr, ông Ch1, ông Q: Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1964 (có mặt)*

Địa chỉ: T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường T 10, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017, các biên bản đối thoại, các lời trình bày tại tòa, bà Trần Thị Thanh Th là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Nguồn gốc phần đất có diện tích 2.091 m<sup>2</sup> thuộc thửa 1275, 1276, tờ bản đồ số 2, xã T cũ, nay là phường T, Quận 12 do gia đình ông Nguyễn Văn A - cha ruột ông T khai phá, trồng trọt từ năm 1975 cho đến nay, quá trình sử dụng gia đình ông T đều thực hiện nghĩa vụ thuế nhà đất đối với Nhà nước. Năm 1999 ông T kê khai đất diện tích 400m<sup>2</sup> diện tích xây dựng 40m<sup>2</sup>. Căn nhà của gia đình ông T được xây dựng từ sau giải phóng có diện tích 3.6m x 11m, đến năm 1997 sửa nhà hoàn chỉnh.

Ngày 16/01/1998, Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) phường T ra Thông báo số 13/TB-UB đưa đất của gia đình ông T thành đất công do phường quản lý và yêu cầu gia đình ông T di dời trong vòng 01 tháng.

Ngày 08/5/2001, UBND phường T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1406/QĐ-UB buộc tháo dỡ toàn bộ công trình nhà ở của gia đình trên cơ sở biên bản xử phạt ngày 03/5/2001 số 2596/BB-TTXĐĐT về hành vi đã xây dựng hoàn chỉnh căn nhà từ trước năm 1997.

Ngày 29/5/2002, UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UB về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730m<sup>2</sup> có vị trí gần Đình T với nội dung *“...diện tích đất 730m<sup>2</sup> liên quan vụ việc được xác định là đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng cho công ích. Giao UBND phường T đăng ký, quản lý sử dụng theo quy định hiện hành. Gia đình ông A phải tháo dỡ vật kiến trúc, hoa màu hiện có trên đất ghi ở điều 1 này để giao trả đất trống cho UBND phường T quản lý sử dụng...”*.

Không đồng ý với quyết định trên gia đình ông T đã khiếu nại đến UBND Quận 12 nhưng không được giải quyết.

Ngày 26/02/2003, UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 135/TB-UB cấp cho gia đình ông T một mảnh đất khác để đổi lấy phần đất gia đình ông T đang sinh sống, nhưng đây là phần đất không thuộc quyền sử dụng của UBND phường T nên khi gia đình ông T nhận đất thì bị những người dân địa phương sinh sống trên đất phản đối.

Ngày 13/10/2010, UBND phường T có thư mời với nội dung dự định bố trí cho gia đình ông T phần đất thuộc thửa 1548, thuộc một phần thửa 06 tờ bản đồ số 08. Tuy nhiên, đất này là đất của bà Trần Thị Thắng sử dụng nên ông T không nhận.

Ngày 24/10/2011, UBND phường T ra thông báo số 492/TB-TC để cấp một phần đất khác cho gia đình ông T nhưng vẫn thuộc phần đất của bà Thắng và UBND phường cũng không giao đất cho gia đình ông T được.

Ngày 27/6/2012, UBND phường T tiếp tục yêu cầu gia đình ông T tiếp tục nhận phần đất của bà Thắng và ông T sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế chỉ cấp được giấy chứ không thực giao đất cho gia đình ông T. Gia đình ông T liên tục khiếu nại các cấp từ Thành phố đến Trung ương và Đoàn đại biểu quốc hội.

Ngày 04/7/2011, UBND phường T ban hành Công văn số 736 về việc trả

lời đơn của ông T, liên quan đến QĐ số 83.

Ngày 20/01/2017, UBND Q.12 ban hành Công văn số 427 về việc trả lời đơn của ông T là không xem xét thu hồi, hủy bỏ QĐ số 83.

Không đồng ý nên ông T có đơn khởi kiện đến Tòa án.

Nay ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy: Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 (gọi tắt là QĐ số 83) của UBND Quận 12 về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730 m<sup>2</sup> có vị trí gần Đình T [hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn A (có vợ bà Nguyễn Thị Ch và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng], đất thuộc phường T, Quận 12, yêu cầu được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất này.

**Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 12 có yêu cầu vắng mặt, có ý kiến tại Văn bản số 504/UBND-TNMT ngày 22/01/2018 và văn bản số 12583/UBND-TNMT ngày 04/12/2019:**

Liên quan đến khu đất trên, tháng 01/1998, UBND phường T có Thông báo số 13/TB.UB yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch (Lê Thị Ch) cùng 03 hộ cất nhà quanh khu vực Đình phải tự di dời trong 01 tháng kể từ ngày 15/01/1998 đến ngày 15/02/1998.

Ngày 10/4/2001, UBND phường T có Công văn số 174/CV- UB kiến nghị ban hành quyết định tháo dỡ căn nhà tôn, vách lá, diện tích khoảng 20m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Trung T.

Tháng 5/2001, Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị Quận 12 có lập Biên bản vi phạm hành chính số 2569/BB-TTXDDT đối với ông T đã có hành vi vi phạm sử dụng đất không đúng mục đích; lấn chiếm đất đai; tự tiện chuyển đổi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; tự chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất không hợp pháp; tự tiện di chuyển làm lệch, hư hỏng mốc địa chính, mốc trắc địa... xây dựng không phép; xây dựng sai nội dung xin phép; diện tích vi phạm quy hoạch (sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng nhà ở không phép...).

Ngày 08/5/2001, UBND Quận 12 có Quyết định số 1046/QĐ-UB về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với ông T đã có hành vi vi phạm sử dụng đất không đúng mục đích theo Điều 2, Khoản 2 của Nghị định số 04/CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ và hành vi vi phạm xây dựng nhà không phép theo Điều 7, Khoản 2, Điểm c của Nghị định số 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính phủ.

Ngày 29/5/2002, UBND Quận 12 có QĐ số 83 về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730 m<sup>2</sup> có vị trí gần Đình T [hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn A (có vợ bà Nguyễn Thị Ch và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng], đất thuộc phường T, Quận 12.

Đến ngày 03/5/2015, ông T có đơn đề nghị hủy QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 và xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường T, Quận 12.

Ngày 09/10/2015, UBND Quận 12 có Công văn số 6190/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông T với nội dung: “Vị trí nhà đất của ông Nguyễn Trung T nêu trong đơn, ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận 12 có QĐ số 83 về việc giải quyết liên quan đến diện tích đất khoảng 730 m<sup>2</sup> có vị trí gần Đình T [hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn A (có vợ bà Nguyễn Thị Ch và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng], đất thuộc phường T, Quận 12.

Liên quan đến QĐ số 83 ngày 29/5/2002 nêu trên, ông T có nhiều đơn kiến nghị xem xét lại quyết định. Ngày 19/12/2014, Chủ tịch UBND Quận 12 có buổi làm việc với ông T (và bà Trần Thị Thanh Th là đại diện của ông Nguyễn Trung T). Qua làm việc ông Nguyễn Trung T và bà Trần Thị Thanh Th có ý kiến không khiếu nại QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 mà đề nghị UBND Quận 12 xem xét lại các căn cứ do bà cung cấp để hủy quyết định.

Qua các chứng cứ do ông T và bà Th cung cấp, UBND Quận 12 nhận thấy không có cơ sở xem xét hủy QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12. Ngoài ra, theo nguyện vọng của bà Ch, UBND Quận 12 có bố trí 01 lô đất để gia đình bà ổn định cuộc sống; đồng thời, ngày 07/02/2013, UBND Quận 12 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05250 cho bà Lê Thị Ch ...”.

Ngày 29/02/2016, ông T có đơn kiến nghị thu hồi QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 và đề nghị cho phép gia đình được phép xây dựng nhà ở ổn định và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với phần đất 730 m<sup>2</sup> trong tờ bản đồ 264 tại Chi thị 299/TTg.

Ngày 20/01/2017, UBND Quận 12 có Công văn số 427/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông T, đất thuộc phường T, quận 12, với nội dung: “...UBND Quận 12 không có cơ sở xem xét thu hồi, hủy bỏ QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 theo đề nghị của ông T...”.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ch có bà Trần Thị Thanh Th đại diện theo ủy quyền và ông Nguyễn Văn A (chết năm 2012) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng bà Nguyễn Thị Kim Ph, ông Nguyễn Trung T, ông Nguyễn Trung Ng, ông Nguyễn Trung Tr, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Nguyễn Trung Ch1, bà Trần Thị Ngọc Th1, bà Nguyễn Thị Quế Tr1, ông Nguyễn Trung Ch2, ông Nguyễn Trung Q, cùng có đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thanh Th trình bày:**

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T là yêu cầu hủy: QĐ số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 về việc giải quyết liên quan đến diện tích đất khoảng 730 m<sup>2</sup> có vị trí gần Đình T [hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn A (có vợ bà Lê Thị Ch và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng], đất thuộc phường T, Quận 12; yêu cầu được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất này thì có cùng ý kiến với người khởi kiện ông T, ngoài ra không có ý kiến nào khác. Đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảo Tr có yêu**

**cầu vắng mặt và có ý kiến tại Bản tự khai ngày 27/02/2019 trình bày như sau:**

Bà Trần đồng ý với việc ông Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 83 ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12, ngoài ra, bà Trần không có ý kiến gì khác.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12 trình bày:**

Đơn khiếu kiện Quyết định hành chính của ông Nguyễn Trung T ngày 05/6/2017 liên quan đến phần đất có diện tích 730m<sup>2</sup> cạnh đình T thuộc một phần thửa 1276 tờ 02 (Tài liệu 1991), nay là thửa 186 tờ bản đồ 61 (Tài liệu 2005) phường T.

1. Về quá trình đăng ký:

- Sổ bộ trước năm 1975 (đặc nhượng theo biên lai số 3123 ngày 21/11/1911): Thửa MP lô số 318, tờ 7 - diện tích: 9.040m<sup>2</sup>; loại đất: Thổ cư; Tên chủ đất: Làng T.

- Sổ mục kê ruộng đất tài liệu Chỉ thị 299/TTg: do Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng Thuận lập ngày 01/12/1983:

+ Thửa: 260 - diện tích: 3.306m<sup>2</sup>; loại đất: Thổ cư: tên chủ đất: Đình Đông Hưng Thuận.

+ Thửa: 264 - diện tích: 730m<sup>2</sup>; loại đất: Đất màu: tên chủ đất: Nguyễn Văn A.

- Sổ mục kê đất tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB (pháp lý năm 1991):

+ Thửa: 1275 - diện tích: 1.376m<sup>2</sup>; loại đất: Đất màu: tên chủ đất: Nguyễn Văn A.

+ Thửa: 1276 - diện tích: 715m<sup>2</sup>; loại đất: Đất màu: tên chủ đất: Nguyễn Văn A.

- Sổ dã ngoại - Bản đồ địa chính (pháp lý năm 2005): Thửa: 186 - diện tích: 4.541,7m<sup>2</sup>; loại đất: Xây dựng: tên chủ đất: Đình Thần.

2. Về quá trình sử dụng đất và diễn biến vụ việc: Trước năm 1975 đất do Làng T đứng bộ và sử dụng, sau đó ông Nguyễn Văn A (có vợ là bà Lê Thị Ch và con là ông Nguyễn Trung T) làm rẫy trên phần đất của đình T.

Đến ngày 31/3/1997 bà Ch tự dựng 01 căn nhà lá trên đất Đình (Ủy ban nhân dân phường T đã lập biên bản vi phạm về xây dựng). Ngày 03/4/1997 bà Ch có làm đơn xác nhận nguồn gốc đất, trong đó có nội dung “*xin cất nhà để giữ gìn đình để không mất mát tài sản của hội Đình*” và được ông Cao Kim Ng thay mặt Ban hội Đình đồng ý.

Ngày 16/01/1998, UBND phường có Thông báo số 13/TB.UB đề nghị bà Ch cùng 03 hộ khác cất nhà quanh khu vực đình phải di dời nhà trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 15/01/1998 đến 15/02/1998). Đến ngày 21/12/2000, UBND

phường có mời hộ ông A đến để giải quyết và gia hạn thêm 01 tháng (đến ngày 21/01/2000) hộ ông A phải tự di dời, tuy nhiên ông T (là người đại diện hộ gia đình ông A tham gia cuộc họp) không đồng ý và có ý kiến để trao đổi với mẹ là bà Ch. Ngày 03/5/2001, bà Ch và ông T tiếp tục xây dựng nhà không phép trên đất đình với kết cấu nền xi măng, vách lá, mái tôn, diện tích là 3,6m x 11m. Ngày 08/5/2001, UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UB về việc xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với ông Nguyễn Trung T.

Ngày 29/5/2002, UBND Quận 12 ban hành QĐ số 83/QĐ.UB về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730m<sup>2</sup> có vị trí gần đình T, trong đó có nội dung “...diện tích đất 730m<sup>2</sup> liên quan vụ việc được xác định là đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng cho công ích. Giao UBND phường T đăng ký, quản lý sử dụng theo quy định hiện hành. Gia đình ông A phải tháo dỡ vật kiến trúc, hoa màu hiện có trên đất ghi ở điều 1 này để giao trả đất trống cho UBND phường T quản lý sử dụng...”. Ngày 29/7/2002 bà Ch có đơn khiếu nại, ngày 26/02/2003 UBND quận 12 ban hành Thông báo số 135/TB-UB về việc giải quyết kiến nghị của bà Lê Thị Ch, có nội dung “...bố trí ổn cư cho hộ là Lê Thị Ch trên phần đất có diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>, đất thuộc thửa 1296, tờ bản đồ 2 của xã T cũ... tạm ứng 5.000.000 đồng để hỗ trợ di dời cho bà Ch...”.

Trong thời gian từ năm 2001 đến năm 2011 gia đình ông T vẫn không chấp hành quyết định của UBND quận 12. Năm 2011, ông T có xây dựng công trình không phép trên phần đất của đình T (thể đơn khiếu nại của Hội đình T), UBND phường đã lập biên bản xử lý theo quy định. Ngày 30/6/2011, UBND phường ban hành Thông báo số 730/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thi hành QĐ số 190/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra (trong trường hợp đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính) trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Trung T. Ngày 05/7/2011, ông T đã tự chấp hành tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 07/02/2013, UBND Quận 12 đã cấp Giấy chứng nhận số CH05250 và bố trí cho bà Lê Thị Ch tại vị trí một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 08 (Tài liệu 2005) với diện tích là 91 m<sup>2</sup> (Tuy nhiên, đến nay UBND quận vẫn chưa thực hiện được việc cắm ranh và bàn giao đất cho hộ bà Ch do vướng mắc liên quan đến giải quyết đơn khiếu nại của bà Mai Thị Hồng)

Ngày 03/5/2015, ông Nguyễn Trung T có đơn đề nghị hủy QĐ số 83/QĐ/UB ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12. Ngày 09/10/2015, UBND Quận 12 có Công văn số 6190/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó có nội dung “...Ủy ban nhân dân Quận 12 nhận thấy không có cơ sở xem xét hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002...”

Ngày 29/02/2016, ông Nguyễn Trung T có đơn kiến nghị thu hồi QĐ số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 và đề nghị cho gia đình được phép xây dựng nhà ở ổn định và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với phần đất 730m<sup>2</sup> thuộc thửa 264 tại Chi thị 299/TTg.

Ngày 20/01/2017, UBND Quận 12 có Công văn số 427/UBND-TNMT về

việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó có nội dung "... Ủy ban nhân dân Quận 12 nhận thấy không có cơ sở xem xét thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 theo đơn đề nghị của ông Nguyễn Trung T..."

UBND phường T báo cáo nguồn gốc diễn biến sử dụng đất như trên. Đồng thời xin vắng mặt trong quá trình điều tra, xác minh, hòa giải và phiên xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có) với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân phường T sẽ thực hiện theo quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1912/2019/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của UBND Quận 12 do thời hiệu khởi kiện đã hết và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T do đương sự rút yêu cầu khởi kiện.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2020 đại diện ủy quyền của người khởi kiện làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy không đồng ý Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 12, ông T liên tục khiếu nại. Tháng 01/2017 Ủy ban nhân dân Quận 12 còn ban hành văn bản số 427 trả lời cho ông T khẳng định Quyết định 83 ngày 29/5/2002 là đúng. Ngày 28/7/2017 ông T khởi kiện Quyết định 83 ra Tòa, do đó xét thời hiệu khởi kiện thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Tòa sơ thẩm đình chỉ với lý do hết thời hiệu khởi kiện là không đúng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, hủy án sơ thẩm giao về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ bởi lẽ:

[1] Xét quá trình ban hành quyết định hành chính và giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/5/2002 Ủy ban nhân dân Quận 12 có Quyết định số 83 về việc giải quyết liên quan diện tích đất 730m<sup>2</sup> có nội dung "... diện tích đất 730m<sup>2</sup> liên quan việc được xác định là đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng cho công ích. Giao Ủy ban nhân dân phường T đăng ký, quản lý sử dụng theo quy



*định hiện hành. Gia đình ông A phải tháo dỡ vật kiến trúc, hoa màu hiện có trên đất ghi ở điều 1 này để giao đất trống cho Ủy ban nhân dân phường T quản lý sử dụng...”. Không đồng ý quyết định trên gia đình ông T tiếp tục làm đơn khiếu nại.*

Ngày 26/2/2003 Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành Quyết định số 135/TB - UB cấp cho gia đình ông T một diện tích đất khác để đổi lấy phần đất gia đình ông T đang sinh sống, nhưng đây là phần đất không thuộc quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân phường T nên khi ông T nhận đất thì bị những người đang ở trên đất phản đối.

Ông T tiếp tục khiếu nại, ngày 16/01/2015 Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành văn bản số 259 về việc giải quyết đơn của ông T theo đó khẳng định không có cơ sở xem xét hủy Quyết định số 83 ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 12.

Không đồng ý ông T khiếu nại, ngày 09/10/2015 Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành văn bản số 6190 về việc giải quyết khiếu nại trả lời đơn kiến nghị của ông T, theo đó không có cơ sở xem xét hủy Quyết định 83 của Ủy ban nhân dân Quận 12.

Ngày 20/01/2017 Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành văn bản số 427/UBND trả lời đơn ông T, khẳng định Quyết định số 83 ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 12 là đúng.

[2] Các văn bản số 259 ngày 16/01/2015; 6190 ngày 09/10/2015 và văn bản số 427 ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 12 trả lời cho ông Nguyễn Trung T có cùng nội dung là khẳng định Quyết định số 83 ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 12 là đúng, việc ông T đề nghị hủy bỏ quyết định trên là không có căn cứ.

Các văn bản trả lời trên của Ủy ban nhân dân Quận 12 không chứa nội dung cho rằng việc khiếu nại đã hết thời hiệu không giải quyết mà các văn bản trên có nội dung kết luận việc khiếu nại là không có căn cứ, Quyết định số 83 ngày 29/5/2002 là đúng pháp luật.

Như vậy các văn bản trả lời trên có nội dung bác đơn khiếu nại làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên được xác định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Khi giải quyết vụ án Tòa án phải xem xét tính hợp pháp quyết định ban đầu, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định văn bản số 427 ngày 20/01/2017 không phải là quyết định giải quyết khiếu nại mà chỉ là văn bản thông tin cho ông T biết về việc trả lời đơn kiến nghị của ông T, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng, các công văn trả lời của Ủy ban nhân dân Quận 12 thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật

tổ tụng hành chính năm 2015 thì văn bản đó là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[3] Tòa sơ thẩm nhận định ông T không khởi kiện văn bản số 6190 hay văn bản 427 của Ủy ban nhân dân Quận 12. Ông T chỉ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 83 ngày 25/9/2002, đến ngày 28/7/2017 mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết.

Nhận định của cấp sơ thẩm là không đúng bởi vì: Như đã phân tích ở trên các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân Quận 12 có nội dung thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 nên nó là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Quyết định số 83 ngày 29/5/2002 và các văn bản trả lời (số 259; 6190; 427) của Ủy ban nhân dân Quận 12 là các quyết định hành chính có liên quan. Khi xem xét Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tại mục 7 phần III văn bản số 89/TANDTC – PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử đã giải thích: *Quyết định hành chính hết thời hiệu khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại còn thời hiệu khởi kiện, tuy nhiên người khởi kiện chỉ khởi kiện quyết định hành chính mà không khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại, trong trường hợp này Tòa án vẫn phải xem xét giải quyết mà không đình chỉ vụ án.*

Từ những phân tích trên cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T với lý do hết thời hiệu khởi kiện là không đúng. Do đó phải hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T. Hủy bản án sơ thẩm (phần đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 12) số 1912/2019/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Trung T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp (theo biên lai thu số 0045577 ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**